

Số: 04 /2009/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 03 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND
ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh Cà Mau về mức chi hỗ trợ kinh phí**

đào tạo và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh Cà Mau

CÔNG VĂN BẢN

Số: 1685

Ngày: 04 tháng 03 năm 2009

Kính chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về mức chi hỗ trợ kinh phí đào tạo và thu hút
nguồn nhân lực của tỉnh Cà Mau;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 34/TTr-SNV-ĐT ngày
05/02/2009 và Báo cáo thẩm định số 13/BC-STP ngày 02/02/2009 của Giám đốc
Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh Cà Mau về
mức chi hỗ trợ kinh phí đào tạo và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và
thay thế Quyết định số 86/2001/QĐ-UB ngày 24/12/2001 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực và Quyết
định số 22/2006/QĐ-UBND ngày 11/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa
đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2001/QĐ-UB ngày 24/12/2001 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ,
Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Website Cà Mau, Báo Cà Mau;
- Lưu: VT, CVNC (H) - H100/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Công Bửu

QUY ĐỊNH

**Chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 11/2008/NQ-HĐND
ngày 10/12/2008 của HĐND tỉnh Cà Mau về mức chi hỗ trợ
kinh phí đào tạo và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh Cà Mau**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2009/QĐ- UBND
ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Hỗ trợ kinh phí đào tạo và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh được áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội; lực lượng vũ trang; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; cán bộ chuyên trách, cán bộ không chuyên trách, công chức cấp xã; cán bộ ấp, khóm; sinh viên, học sinh và những người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa cấp II, Bác sĩ Chuyên khoa cấp I.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí đào tạo

1. Cán bộ, công chức, công chức dự bị trong biên chế cấp tỉnh và cấp huyện.
2. Cán bộ, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh (đối tượng này chỉ được hỗ trợ đào tạo sau đại học).
3. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.
4. Sĩ quan, hạ sĩ quan đào tạo tập trung, dài hạn. Cán bộ, công chức các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trừ doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu).
5. Cán bộ chuyên trách, cán bộ không chuyên trách cấp xã; công chức cấp xã; cán bộ ấp, khóm.

Điều 3. Đối tượng được khuyến khích

1. Sinh viên là con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, người dân tộc thiểu số, con gia đình thuộc diện hộ nghèo và con của người bị nhiễm chất độc da cam đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau đang học tại các trường đại học và cao đẳng ở trong nước thuộc hệ chính quy tập trung (trừ các lớp liên kết đào tạo trong và ngoài tỉnh).

2. Sinh viên, học sinh đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau được cơ quan có thẩm quyền cử đi học đại học hoặc sau đại học ở nước ngoài.

3. Sinh viên, học sinh đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau đang học tại các trường năng khiếu trong nước hoặc được cử đi đào tạo ở nước ngoài.

Điều 4. Đối tượng thu hút

1. Học viên đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp (trừ đối tượng ở ngoài tỉnh); sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học về công tác tại các xã trong tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa cấp II, Bác sĩ Chuyên khoa cấp I tự nguyện về công tác tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của tỉnh.

Chương II ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN

Điều 5. Điều kiện và tiêu chuẩn được hỗ trợ kinh phí đào tạo

1. Các đối tượng thuộc diện quy hoạch, đào tạo theo nhu cầu được cử đi đào tạo phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến thống nhất bằng văn bản, hoặc ủy quyền cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ quyết định. Đối với cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã được cử đi đào tạo thì do Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định. Hoặc ủy quyền bằng văn bản cho Ban Tổ chức Huyện ủy, Thành ủy và Phòng Nội vụ huyện, thành phố quyết định. Đối với đối tượng cử đi đào tạo của lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thì thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Các đối tượng được cử đi đào tạo phải được cơ quan quản lý cán bộ, công chức phê duyệt kế hoạch hàng năm trên cơ sở kế hoạch đào tạo của từng cơ quan, đơn vị.

3. Các đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí, sau khi tốt nghiệp phải chấp hành theo sự phân công của tổ chức, nếu không chấp hành sự phân công của tổ chức hoặc thực hiện không đủ thời gian yêu cầu phục vụ sau khi đào tạo phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Về độ tuổi cử đi đào tạo không quá 45 tuổi đối với đào tạo trình độ sau đại học và không quá 35 tuổi đối với đào tạo từ trung cấp đến đại học. Nếu quá độ tuổi quy định thì do cấp có thẩm quyền quyết định từng trường hợp cụ thể.

5. Cán bộ, viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh và cán bộ, công chức các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trừ doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu) chỉ được hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học. Riêng lực lượng vũ trang (sĩ quan, hạ sĩ quan) chỉ hỗ trợ kinh phí đào tạo các lớp từ đại học trở lên.

Điều 6. Điều kiện và tiêu chuẩn được hỗ trợ kinh phí khuyến khích đào tạo

Các đối tượng được quy định tại Điều 3 của Quy định này, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau và cán bộ, công chức ở xã, thị trấn tự học tập nâng cao trình độ phù hợp với chức danh công chức, tốt nghiệp đại học.

Điều 7. Điều kiện và tiêu chuẩn được hưởng chính sách thu hút nguồn nhân lực

1. Học viên đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp (trừ đối tượng ngoài tỉnh); sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học về công tác tại các xã theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và phải có cam kết công tác ít nhất từ 05 năm trở lên (kể cả học viên, sinh viên có hộ khẩu tại xã đó). Nếu thực hiện không đủ thời gian theo cam kết, phải bồi hoàn toàn bộ khoản tiền đã nhận hỗ trợ của tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ Chuyên khoa cấp I (kể cả người trong tỉnh đã học xong nhưng chưa làm việc ở cơ quan nào hoặc đã làm việc ở các tỉnh, thành khác trong nước) tự nguyện về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh Cà Mau theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và có cam kết công tác ít nhất từ 05 năm trở lên thì được hỗ trợ kinh phí thu hút. Nếu thực hiện không đủ thời gian theo cam kết, phải bồi hoàn toàn bộ khoản tiền đã nhận hỗ trợ ban đầu của tỉnh theo quy định hiện hành.

Chương III

MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO VÀ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 8. Mức chi hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học

1. Tiền học phí theo thông báo chiêu sinh (nếu có).
2. Hỗ trợ kinh phí cho toàn khoá học như sau:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| a) Nghiên cứu sinh: | 50.000.000 đồng/người/khoá; |
| b) Cao học: | 30.000.000 đồng/người/khoá; |
| c) Bác sĩ Chuyên khoa cấp II: | 30.000.000 đồng/người/khoá; |

d) Bác sỹ Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng/người/khóa;

Hỗ trợ lần đầu bằng 50% kinh phí khi có thông báo trúng tuyển và được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học, 50% còn lại được cấp khi có bằng tốt nghiệp.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ kinh phí đào tạo trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học

Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ chuyên trách, cán bộ không chuyên trách, công chức cấp xã; cán bộ áp, khóm được cử đi đào tạo theo Kế hoạch hàng năm của cấp có thẩm quyền (theo nhu cầu ngành nghề cần đào tạo), được hỗ trợ:

1. Tiền học phí theo thông báo chiêu sinh (nếu có);

2. Đối với các lớp hệ chính quy tập trung: được hỗ trợ 450.000 đồng/người/tháng (trừ các kỳ nghỉ hè). Nếu đối tượng được cử đi đào tạo là nữ được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/tháng; là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/tháng. Nếu vừa là nữ, vừa là người dân tộc thiểu số thì được hưởng 100.000 đồng/người/tháng.

3. Đối với các lớp hệ chính quy không tập trung:

a) Tập trung theo từng đợt dưới 01 tháng được hỗ trợ: 15.000 đồng/người/ngày. Nếu đối tượng được cử đi đào tạo là nữ được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người; là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người. Nếu vừa là nữ, vừa là người dân tộc thiểu số thì được hưởng 100.000 đồng/người (không được hỗ trợ 02 lần trong 01 tháng).

b) Tập trung theo từng đợt trên 01 tháng được hỗ trợ: 450.000 đồng/người/tháng. Nếu đối tượng được cử đi đào tạo là nữ được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/tháng; là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/tháng. Nếu vừa là nữ, vừa là người dân tộc thiểu số thì được hưởng 100.000 đồng/người/tháng (được hỗ trợ khi tập trung tròn tháng và tròn 1/2 tháng).

4. Tiền tàu, xe và tiền phòng nghỉ,... do cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức giải quyết theo quy định hiện hành.

Điều 10. Mức chi hỗ trợ khuyến khích đào tạo

1. Cán bộ, công chức ở xã, thị trấn tự học tập nâng cao trình độ phù hợp với chức danh công chức và được Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý cho đi học, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chuyên môn đang được giao, khi học xong (có bằng tốt nghiệp đại học) tiếp tục công tác tại xã, thị trấn đó thì được hỗ trợ một lần 8.000.000 đồng/người.

2. Sinh viên là con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, người dân tộc thiểu số, con gia đình thuộc diện hộ nghèo và con của người bị nhiễm chất độc da cam đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau đang học tại các trường đại học

và cao đẳng ở trong nước thuộc hệ chính quy tập trung được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/năm và 1.000.000 đồng/sinh viên khi làm khoá luận tốt nghiệp.

3. Sinh viên, học sinh đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau đang học tại các trường năng khiếu trong nước được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/năm và ở ngoài nước 4.000.000 đồng/người/năm.

4. Sinh viên, học sinh đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo đại học hoặc sau đại học ở nước ngoài theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được hỗ trợ 4.000.000 đồng/người/năm. Trừ các đối tượng được cử đi đào tạo theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực có trình độ sau đại học ở nước ngoài của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2006 - 2015 (theo Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 27/9/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau).

Điều 11. Mức chi thu hút nguồn nhân lực

1. Học viên đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp (trừ đối tượng ở ngoài tỉnh); sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học về công tác tại xã theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và có cam kết công tác ít nhất từ 05 năm trở lên (kể cả học viên, sinh viên có hộ khẩu tại xã đó), được hỗ trợ 01 lần: trung học chuyên nghiệp 3.000.000 đồng/người, cao đẳng 4.000.000 đồng/người, đại học 5.000.000 đồng/người. Nếu là người dân tộc thiểu số còn được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người (trừ đối tượng là học viên, sinh viên được cử tuyển theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ Chuyên khoa cấp II và Bác sĩ Chuyên khoa cấp I (kể cả người trong tỉnh đã học xong nhưng chưa làm việc ở cơ quan nào hoặc đã làm việc ở các tỉnh, thành khác trong nước) tự nguyện về làm việc tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh Cà Mau theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và có cam kết (bằng văn bản) công tác ít nhất 05 năm trở lên thì được ưu tiên:

a) Được bố trí công tác phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, được tạo điều kiện thuận lợi về chỗ ở, phương tiện làm việc và một số điều kiện khác.

b) Đối với người có đăng ký hộ khẩu thường trú ngoài tỉnh Cà Mau được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục tiếp nhận; được tạo điều kiện thuận lợi để hợp thức hóa gia đình về tình sinh sống và làm việc lâu dài.

c) Hỗ trợ một lần sau khi nhận nhiệm vụ (nếu một người có nhiều tiêu chuẩn thì được hưởng ở mức tiêu chuẩn cao nhất):

- Giáo sư - Tiến sĩ :	100.000.000 đồng/người;
- Phó Giáo sư - Tiến sĩ :	80.000.000 đồng/người;
- Tiến sĩ:	70.000.000 đồng/người;
- Thạc sĩ:	50.000.000 đồng/người;
- Bác sĩ Chuyên khoa cấp II:	50.000.000 đồng/người;
- Bác sĩ Chuyên khoa cấp I:	40.000.000 đồng/người.

Chương IV

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, KINH PHÍ ĐÀO TẠO VÀ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 12. Lập kế hoạch đào tạo và thu hút nguồn nhân lực

1. Chậm nhất ngày 01 tháng 7 hàng năm, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải gửi kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực của năm sau về Sở Nội vụ (đối với cơ quan, đơn vị thuộc các cơ quan Nhà nước, thuộc các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, kể cả lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh); Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các cơ quan Đảng, đoàn thể).

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp mình quản lý, gửi Thường trực Hội đồng đào tạo cán bộ, công chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp kế hoạch chung của tỉnh.

3. Chậm nhất vào tháng 10 hàng năm, Sở Nội vụ tổng hợp kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Kinh phí đào tạo và thu hút nguồn nhân lực

Kinh phí đào tạo phân bổ theo các cấp ngân sách hàng năm để bảo đảm thực hiện chính sách đào tạo cán bộ, công chức và thu hút nguồn nhân lực theo phân cấp quản lý cán bộ. Ngoài ra, kinh phí đào tạo của tỉnh còn hỗ trợ chính sách đào tạo cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực tại Khoản 3, Khoản 4 của Điều 2 và Điều 11 của Quy định này và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục chi trả kinh phí đào tạo và thu hút nguồn nhân lực

1. Kinh phí hỗ trợ đào tạo và thu hút nguồn nhân lực được chi trả hàng quý (đầu tháng của quý sau):

a) Đối với cấp tỉnh: Sở Nội vụ trực tiếp chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, lực lượng vũ trang, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (trừ đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức) và chi trả thu hút nguồn nhân lực theo Điều 11 của Quy định này.

b) Đối với cấp huyện: Phòng Nội vụ các huyện, thành phố Cà Mau trực tiếp chi trả cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện; cán bộ chuyên trách, cán bộ không chuyên trách, công chức cấp xã; cán bộ ấp, khóm; hỗ trợ khuyến khích đào tạo cho sinh viên, học sinh đăng ký hộ khẩu thường trú tại các huyện, thành phố trong tỉnh theo Điều 10 của Quy định này.

2. Hồ sơ, thủ tục:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo:

- Bản sao Quyết định cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy định này (bản sao y);
- Thông báo chiêu sinh hoặc thông báo nhập học (bản sao);
- Các phiếu thu phí, lệ phí của các trường đào tạo hoặc các cơ sở đào tạo (bản chính);

b) Đối với sinh viên, học sinh: bản sao thông báo nhập học, sổ hộ khẩu (có chứng thực) và các giấy tờ có liên quan;

c) Đối với cán bộ, công chức xã, thị trấn tự học tập theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Quy định này thì phải có văn bản đề nghị của thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý và bản sao bằng tốt nghiệp đại học (có chứng thực).

d) Đối với các đối tượng được hưởng chính sách thu hút nguồn nhân lực phải có bản sao quyết định phân công của cấp có thẩm quyền, văn bằng, chứng chỉ (có chứng thực) và giấy cam kết công tác ít nhất từ 05 năm trở lên.

3. Thời gian hỗ trợ kinh phí đào tạo được tính theo khóa đào tạo (căn cứ vào Thông báo chiêu sinh hoặc Thông báo nhập học).

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Chế độ hỗ trợ kinh phí đào tạo của các đối tượng được cử đi đào tạo trước ngày 01 tháng 01 năm 2009

Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo và đang hưởng chế độ hỗ trợ theo Quyết định số 86/2001/QĐ-UB ngày 24/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực; Quyết định số 22/2006/QĐ-UBND ngày 11/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2001/QĐ-UB ngày 24/12/2001 thì tiếp tục được hỗ trợ cho đến khi kết thúc khóa học theo Quy định này. Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học các lớp sau đại học nhưng hiện nay còn đang học sẽ thực hiện đối trừ lại giữa số tiền đã nhận hỗ trợ kinh phí đào tạo từ trước đến nay so với mức khoán theo Quy định này để chi trả phần chênh lệch còn lại.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Các chế độ, chính sách theo Quy định này được tính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy định này.

3. Giám đốc Sở Tài chính cân đối nguồn kinh phí để bảo đảm thực hiện việc đào tạo và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh theo nội dung của Quy định này.

4. Hàng năm, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách những cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức; điều kiện, năng lực, ngành nghề, số lượng cần tuyển dụng để tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực về tỉnh công tác. Đồng thời theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân các huyện, thành phố Cà Mau có văn bản phản ánh gửi về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính để có hướng dẫn thêm hoặc tổng hợp ý kiến, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Công Bửu